

Số: /QĐ-SYT

Bình Phước, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đối với Trung Tâm Y tế thị xã Phước Long

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Bình Phước;

Căn cứ vào kết quả thẩm định của Đoàn thẩm định để cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đối với Trung Tâm Y tế thị xã Phước Long;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Trung Tâm Y tế thị xã Phước Long (Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 383/BP-GPHĐ do Sở Y tế Bình Phước cấp điều chỉnh lần 1 ngày 13/6/2023): bổ sung 237 kỹ thuật (chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

Điều 2. Trung Tâm Y tế thị xã Phước Long phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đã được Sở Y tế cho phép và quy trình kỹ thuật chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 3. Các Ông, bà Trưởng Phòng Nghiệp vụ; Chánh Văn phòng Sở Y tế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Trung Tâm Y tế thị xã Phước Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- UBND TX Phước Long;
- Giám đốc Sở Y tế;
- Các Phó Giám đốc Sở Y tế;
- Website Sở Y tế;
- Lưu VT, NV (T13.6).

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 1

PHÊ DUYỆT BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT

Trong khám bệnh, chữa bệnh của Trung Tâm Y tế thị xã Phước Long
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- SYT ngày tháng 6 năm 2025
của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	1.174	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thận nhân tạo cấp cứu
2	3.274	03. NHI KHOA	Kéo nắn cột sống cổ
3	3.289	03. NHI KHOA	Hào châm
4	3.48	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị stress
5	3.485	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị chắp lẹo
6	3.486	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị sụp mí
7	3.503	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa
8	3.506	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đái dầm
9	3.508	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị cảm cúm
10	3.509	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp
11	3.51	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị béo phì
12	3.511	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị bướu cổ đơn thuần
13	3.514	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật
14	3.516	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đau răng
15	3.517	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị giảm đau do Zona
16	3.531	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị chứng tic
17	3.614	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai
18	3.617	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh
19	3.626	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress
20	3.629	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V
21	3.631	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí
22	3.634	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị
23	3.635	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình

24	3.636	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thính lực
25	3.644	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau dạ dày
26	3.645	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị nôn, nấc
27	3.646	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp
28	3.647	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị thoái hóa khớp
29	3.652	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng tic
30	3.653	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị nôn, nấc
31	3.654	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
32	3.657	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón
33	3.66	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị bí đái
34	3.665	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau sau phẫu thuật
35	3.667	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau răng
36	3.668	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị đái dầm
37	3.669	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị sa trực tràng
38	3.67	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị hysteria
39	3.682	03. NHI KHOA	Cứu điều trị bại não thể hàn
40	3.683	03. NHI KHOA	Cứu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn
41	3.684	03. NHI KHOA	Cứu điều trị ù tai thể hàn
42	3.685	03. NHI KHOA	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn
43	3.686	03. NHI KHOA	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn
44	3.69	03. NHI KHOA	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn
45	3.695	03. NHI KHOA	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn
46	3.696	03. NHI KHOA	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn
47	3.718	03. NHI KHOA	Tập vận động PHCN sau bỏng
48	3.736	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh thay khớp gối hoàn toàn
49	3.737	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh thay khớp hông toàn phần
50	3.739	03. NHI KHOA	Đánh giá kỹ năng ngôn ngữ-giao tiếp
51	3.741	03. NHI KHOA	Đánh giá trẻ tự kỷ DSM-IV

52	3.742	03. NHI KHOA	Đánh giá trẻ tự kỷ CARS
53	3.744	03. NHI KHOA	Kéo giãn cột sống cổ bằng máy
54	3.745	03. NHI KHOA	Kéo giãn cột sống thắt lưng bằng máy
55	3.747	03. NHI KHOA	Kỹ năng giao tiếp sớm
56	3.748	03. NHI KHOA	Kỹ năng hiểu và diễn tả bằng ngôn ngữ nói
57	3.749	03. NHI KHOA	Sửa lỗi phát âm
58	3.75	03. NHI KHOA	Kỹ năng vận động môi miệng chuẩn bị cho nói
59	3.751	03. NHI KHOA	Kỹ năng hoà nhập xã hội
60	3.755	03. NHI KHOA	Ngôn ngữ trị liệu theo nhóm 30 phút
61	3.758	03. NHI KHOA	Kỹ năng kiểm soát hàm và nhai nuốt
62	3.762	03. NHI KHOA	Kỹ năng điều hoà cảm giác
63	3.769	03. NHI KHOA	Hoạt động trị liệu
64	3.77	03. NHI KHOA	Ngôn ngữ trị liệu
65	3.771	03. NHI KHOA	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều
66	3.772	03. NHI KHOA	Điều trị bằng điện phân thuốc
67	3.779	03. NHI KHOA	Kỹ thuật di động khớp - trượt khớp
68	3.78	03. NHI KHOA	Kỹ thuật kéo giãn
69	3.842	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN sau phẫu thuật chi dưới
70	3.843	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN sau phẫu thuật chi trên
71	3.844	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN sau phẫu thuật ổ bụng
72	3.845	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN sau phẫu thuật lồng ngực
73	3.858	03. NHI KHOA	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả trên gối
74	3.859	03. NHI KHOA	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả dưới gối
75	3.969	03. NHI KHOA	Thang tường
76	3.981	03. NHI KHOA	Bàn tập mạnh cơ tứ đầu đùi
77	8.2	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Hào châm
78	8.13	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Kéo nắn cột sống cổ
79	8.14	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Kéo nắn cột sống thắt lưng

80	8.22	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Sắc thuốc thang
81	8.27	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chườm ngải
82	8.231	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị sa dạ dày
83	8.232	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày - tá tràng
84	8.236	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị giảm thị lực
85	8.239	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
86	8.24	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
87	8.243	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị mất ngủ
88	8.244	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị nấc
89	8.248	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị huyết áp thấp
90	8.25	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
91	8.252	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị thất vận ngôn
92	8.253	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
93	8.254	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
94	8.256	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị khàn tiếng
95	8.262	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị viêm mũi xoang
96	8.263	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa
97	8.264	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị táo bón kéo dài
98	8.269	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị đái dầm
99	8.271	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt
100	8.272	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị đau bụng kinh

101	8.274	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh
102	8.275	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị di tinh
103	8.276	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị liệt dương
104	8.277	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ
105	8.281	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị hội chứng stress
106	8.282	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị cảm mạo
107	8.283	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị viêm Amidan
108	8.284	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị trĩ
109	8.285	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt
110	8.303	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị đau hố mắt
111	8.305	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
112	8.306	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị lác cơ năng
113	8.312	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị đau răng
114	8.319	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị giảm đau do zona
115	8.321	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt
116	8.325	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hội chứng stress
117	8.327	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm
118	8.328	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị viêm amydan
119	8.329	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị béo phì
120	8.336	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng
121	8.339	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị giảm thính lực

122	8.34	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt trẻ em
123	8.343	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
124	8.348	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị thống kinh
125	8.349	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt
126	8.35	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đái dầm
127	8.353	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hen phế quản
128	8.367	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị sụp mi
129	8.379	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị sụp mi
130	8.38	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau hồ mắt
131	8.381	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
132	8.382	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị lác cơ năng
133	8.383	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị giảm thị lực
134	8.384	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị viêm bàng quang
135	8.385	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị di tinh
136	8.386	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt dương
137	8.387	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện
138	8.388	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng
139	8.416	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
140	8.417	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng
141	8.422	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản
142	8.433	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt

143	8.436	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn kinh nguyệt
144	8.437	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau bụng kinh
145	8.438	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền mãn kinh
146	8.44	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn tiêu hóa
147	8.441	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác nông
148	8.442	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị bí đái cơ năng
149	8.444	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị béo phì
150	8.447	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau sau phẫu thuật
151	8.449	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đái dầm
152	8.462	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn
153	8.465	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị di tinh thể hàn
154	8.466	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị liệt dương thể hàn
155	8.469	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn
156	8.47	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn
157	8.471	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn
158	8.477	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn
159	17.6	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc
160	17.1	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng dòng giao thoa
161	17.18	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng Parafin
162	17.32	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy
163	17.4	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập dáng đi

164	17.41	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập đi với thanh song song
165	17.51	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập đi với khung treo
166	17.6	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên]
167	17.61	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới
168	17.62	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng
169	17.74	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer...)
170	17.78	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu
171	17.79	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật di động khớp
172	17.8	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật di động mô mềm
173	17.81	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật tập chuỗi đóng và chuỗi mở
174	17.84	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình
175	17.88	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý
176	17.121	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Lượng giá lao động hướng nghiệp
177	17.136	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti
178	17.137	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật băng nẹp bảo vệ bàn tay chức năng (trong liệt tứ chi)
179	17.139	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật băng chun môm cụt chi trên
180	17.14	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật băng chun môm cụt chi dưới
181	17.141	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu
182	17.142	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu
183	17.143	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)
184	17.144	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng

185	17.145	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối
186	17.146	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối
187	17.147	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực - thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)
188	17.148	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (điều trị cong vẹo cột sống)
189	17.149	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO
190	17.15	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO
191	17.151	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO
192	17.152	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO
193	17.153	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO
194	17.154	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong
195	17.155	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng
196	17.156	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm
197	17.167	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập vận động cột sống
198	17.17	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật kiểm soát tư thế (ngồi, bò, đứng, đi)
199	17.171	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật tạo thuận vận động cho trẻ (lấy, ngồi, bò, đứng, đi)
200	17.172	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập dưỡng sinh
201	17.175	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật kéo giãn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh
202	17.177	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, ưỡn)
203	17.179	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật kiểm soát tư thế và vận động cho người bệnh Parkinson
204	17.18	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật kiểm soát tư thế hội chứng sợ sau ngã

205	17.181	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật ngồi/đứng dậy từ sàn nhà
206	17.184	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật thư giãn
207	17.249	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kéo nắn, kéo giãn cột sống, các khớp
208	17.25	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập do cứng khớp
209	17.251	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
210	27.93	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u chẩn đoán
211	27.142	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày
212	27.144	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày
213	27.166	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng
214	27.167	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng
215	27.172	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non
216	27.173	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non
217	27.177	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột
218	27.178	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng
219	27.183	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi tháo lồng ruột và cố định manh tràng
220	27.184	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel
221	27.187	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa
222	27.188	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng
223	27.189	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt lại mỏm ruột thừa
224	27.19	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng
225	27.191	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa

226	27.207	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng
227	27.208b	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng
228	27.225	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng
229	27.273	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật
230	27.307	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu mạc treo
231	27.329	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng
232	27.33	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau mổ
233	27.331	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn dư
234	27.332	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu
235	27.333	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi ổ bụng chẩn đoán
236	27.336	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở
237	BS_27.577	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn trong phúc mạc 1 bên/2 bên